

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H và
anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19-7-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 12/62 đường T, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định; Hiện cư trú tại: Số nhà 20/407 đường Đ, xã H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Hoàng N, sinh năm 1977; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 12/62 đường T, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt. Anh N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-4-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hoàng N tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 23 tháng 4 năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách, có lần chị đã bị anh N đánh tại nhà mẹ đẻ nên bị tổ dân phố lập biên bản về hành vi này của anh N. Chị đã nói chuyện với anh N để hòa giải mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục bất hòa không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Từ tháng 02-2019 đến nay, chị với anh N đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vũ Hoàng N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hoàng Thái D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2008 và Vũ Hồng Ng, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và nhất trí giao cháu D cho anh N nuôi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, anh Vũ Hoàng N xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn theo lời trình bày của chị H là đúng. Anh trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không có gì to tát. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ anh có tình cảm bên ngoài, anh đã nói chuyện với vợ về việc này để vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng chị H vẫn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 01-2019, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh có quan điểm đề nghị Tòa án hòa giải còn nếu chị H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đề nghị nếu ai trực tiếp nuôi con thì nuôi cả hai con và người không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, tổng cộng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị H và anh N cư trú đã cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H với anh N tổ dân phố không nắm rõ, chỉ biết chị H đã không sinh sống tại địa chỉ số 12/62 đường T, phường X, thành phố N từ khoảng 4-5 tháng nay. Chị H và anh N có 02 con chung là Vũ Hoàng Thái D, sinh năm 2008 và Vũ

Hồng Ng, sinh năm 2013. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh N, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu Vũ Hoàng Thái D có đơn đề nghị được ở với anh N với lý do để ổn định cuộc sống, việc học tập không bị gián đoạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N.

Về con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Vũ Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Hoàng Thái D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2008; giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Hồng Ng, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 23 tháng 4 năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng nảy sinh những bất đồng, không hòa hợp về lối sống và tính cách, thường xuyên cãi vã, có lời nói, hành vi xúc phạm danh dự thân thể của nhau. Do không hòa giải được mâu thuẫn nên chị H và anh N đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ tháng 01-2019 đến nay. Mặc dù hai bên đã được Tòa án hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng

tại buổi hòa giải lần thứ hai anh N không đến tham gia còn chị H yêu cầu Tòa án không hòa giải nữa và đề nghị giải quyết ly hôn. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của chị H và anh N không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tranh chấp nuôi con chung:

Hiện nay, chị H đang là công nhân công ty cổ phần may Sông Hồng có mức thu nhập bình quân khoảng 4.500.000 đến 5.000.000 đồng/tháng nếu phải nuôi cả hai con chung sẽ có khó khăn về điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc con. Mặt khác, cháu D có đơn đề nghị được ở với anh N với lý do để ổn định cuộc sống, việc học tập không bị gián đoạn. Cháu Vũ Hoàng Thái D sinh ngày 06 tháng 02 năm 2008 tính đến thời điểm chị H và anh N ly hôn đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng này của cháu D cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cháu Vũ Hồng Ng còn nhỏ, giới tính là nữ nên chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Do đó, đề nghị của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và anh N nuôi dưỡng cháu D; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Hồng Ng, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Giao cho anh Vũ Hoàng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Hoàng Thái D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2008. Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Hồng Ng, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Giao cho anh Vũ Hoàng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Hoàng Thái D, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2008. Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.1 Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Hoàng N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002217 ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND p. V, thành phố N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng